

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy;
Bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1984. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Đều trú tại địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975; ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1961; đều trú tại địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phụ, Kinh Môn, Hải Dương vào tháng 10/2001. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, anh K không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan, trong suốt thời gian chị đi lao động thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau. Tháng 4/2018 chị về nước và sống tại gia đình bố mẹ đẻ, sau đó cả hai con về sống cùng chị; vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị được hai bên gia đình nhiều

lần khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng không thay đổi. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002 và cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007. Khi chị đi lao động về nước thì hai cháu ở cùng với chị tại gia đình bố mẹ đẻ, nhưng thời gian gần đây thì cháu L đã về ở cùng với anh K. Chị có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con chung, nhưng do cháu L có nguyện vọng ở với bố nên chị tôn trọng nguyện vọng của cháu; cháu Ngọc M có nguyện vọng ở cùng chị nên chị sẽ nuôi cháu Ngọc M. Do hai vợ chồng mỗi người nuôi 01 con chung nên chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của bị đơn Nguyễn Văn K:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K; triệu tập anh K đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh K đều vắng mặt không có lý do.

Tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn K tại nơi cư trú, anh K khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N đi lao động ở nước ngoài, khi về thì ở luôn tại gia đình bố mẹ đẻ, anh đã khuyên bảo nhưng chị N không về gia đình chung sống nên vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho tới nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002 và cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007. Hiện nay cháu L đang ở cùng với anh, cháu Ngọc M ở cùng chị N. Cháu Ngọc M có nguyện vọng ở với mẹ nên anh tôn trọng quyết định của cháu; cháu L hiện đang ở cùng anh nên anh nhất trí nuôi dưỡng cháu. Do mỗi người nuôi 01 con chung nên anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng để có căn cứ giải quyết yêu cầu của đương sự:

- *Xác minh tại UBND xã An Phú, Kinh Môn; UBND xã xác định:* Vợ chồng chị N, anh K trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân.

- *Anh Nguyễn Văn V (anh ruột anh K) khai:* Từ khi chị N đi lao động ở nước ngoài về nước thì không về chung sống cùng anh K mà về sống tại gia đình bố mẹ đẻ; vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

- *Ông Vũ Văn Đ (bố đẻ chị N) khai:* Do vợ chồng mâu thuẫn nên khi chị N đi lao động ở nước ngoài về thì sống tại gia đình ông; ông cùng gia đình đã khuyên bảo

nhiều nhưng do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhưng chị N xác định vợ chồng không thể đoàn tụ. Nếu chị N được nuôi con thì ông và gia đình sẽ tiếp tục tạo điều kiện hỗ trợ về kinh tế, chỗ ăn ở cho mẹ con chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh K và giải quyết về nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007; giao cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 10/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn K hiện đang cư trú, sinh sống tại xã An Phụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho anh K, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh K mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn K đã tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tháng 10/2001 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh K để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do. Điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện việc không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh K cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản lấy lời khai anh K xác định vợ chồng mâu thuẫn, đồng ý ly hôn và thống nhất được về con chung nhưng do anh K không có mặt tại Tòa án để làm việc cũng như không tham gia phiên tòa; do vậy cần phải xem xét, quyết định khi xét xử. Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh K.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002 và cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007. Xét thấy: Do cháu L có nguyện vọng ở với anh K; cháu Ngọc M có nguyện vọng ở với chị N. Anh K, chị N đều đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung; để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng và quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007; giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 10/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

+ *Về con chung:* Giao cho chị Vũ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 16/3/2007; giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 23/11/2002. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 10/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001715 ngày 25/6/2018. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

- **Nơi nhận:**

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND xã An Phụ , Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa